

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **08** /2014/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày **25** tháng **3** năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về tính lệ phí trước bạ xe máy, xe ô tô,
máy thủy, tàu thuyền trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 45/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Nghị định số 23/2013/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Thông tư số 124/2011/TT-BTC ngày 31 tháng 8 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Thông tư số 34/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2013 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 124/2011/TT-BTC ngày 31 tháng 8 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí trước bạ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng tại Tờ trình số 217/TTr-STC ngày 14 tháng 3 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định việc tính lệ phí trước bạ đối với xe máy, xe ô tô, máy thủy, tàu thuyền trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, như sau:

1. Đối với tài sản mới 100% hoặc đăng ký lần đầu thì giá tính lệ phí trước bạ áp dụng theo giá quy định tại Bảng giá tính lệ phí trước bạ.

Đối với tài sản đã qua sử dụng nhập khẩu vào Việt Nam thì giá tính lệ phí trước bạ bằng 85% giá quy định tại Bảng giá tính lệ phí trước bạ của tài sản cùng chủng loại (kể cả tài sản đang sử dụng theo chế độ tài sản di chuyển của người Việt Nam định cư ở nước ngoài đã hoàn tất thủ tục đăng ký thường trú tại Việt Nam (gọi tắt là được phép hồi hương)).

2. Đối với tài sản đăng ký lần thứ 2 trở đi thì giá tính lệ phí trước bạ được xác định theo giá quy định tại Bảng giá tính lệ phí trước bạ nhân (x) với tỷ lệ (%) giá trị còn lại của tài sản cùng chủng loại.

Tỷ lệ (%) giá trị còn lại của tài sản được quy định như sau:

- Thời gian đã sử dụng trong 1 năm: 85%
- Thời gian đã sử dụng từ trên 1 năm đến 3 năm: 70%

- Thời gian đã sử dụng từ trên 3 năm đến 6 năm: 50%
- Thời gian đã sử dụng từ trên 6 năm đến 10 năm: 30%
- Thời gian đã sử dụng trên 10 năm: 20%

3. Thời gian đã sử dụng của tài sản được xác định như sau:

a) Đối với tài sản được sản xuất tại Việt Nam, thời gian đã qua sử dụng tính từ thời điểm (năm) sản xuất tài sản đó đến năm kê khai lệ phí trước bạ;

b) Đối với tài sản mới (100%) nhập khẩu, thời gian đã sử dụng tính từ thời điểm (năm) nhập khẩu tài sản đó đến năm kê khai lệ phí trước bạ. Trường hợp không xác định được thời điểm nhập khẩu thì tính theo thời điểm (năm) sản xuất ra tài sản đó.

c) Đối với tài sản đã qua sử dụng nhập khẩu kê khai lệ phí trước bạ tại Việt Nam từ lần thứ 2 trở đi, thời gian đã sử dụng tính từ thời điểm (năm) sản xuất tài sản đó đến năm kê khai lệ phí trước bạ lần thứ 2 trở đi.

d) Trường hợp không xác định được năm sản xuất thì tính từ năm trước bạ lần đầu tiên đối với tài sản đó.

Điều 2. Ủy quyền Sở Tài chính thành phố ban hành, bổ sung, điều chỉnh Bảng giá tính lệ phí trước bạ xe máy, xe ô tô, máy thủy, tàu thuyền trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Cục Thuế có trách nhiệm căn cứ Bảng giá tính lệ phí trước bạ do Sở Tài chính (cơ quan được ủy quyền) ban hành, bổ sung, điều chỉnh và các quy định cụ thể tại Điều 1 Quyết định này để triển khai và hướng dẫn thực hiện tính lệ phí trước bạ. Trường hợp giá ghi trên hoá đơn cao hơn giá do cơ quan được ủy quyền ban hành thì lấy theo giá hoá đơn.

2. Trong quá trình quản lý thu lệ phí trước bạ, trường hợp cơ quan Thuế phát hiện hoặc nhận được ý kiến của tổ chức, cá nhân về giá tính lệ phí trước bạ của tài sản chưa được quy định trong bảng giá tính lệ phí trước bạ hoặc giá của tài sản tính lệ phí trước bạ biến động tăng, giảm so với giá tính lệ phí trước bạ do cơ quan được ủy quyền ban hành (đối với xe máy là 10%, đối với tài sản khác (trừ xe gắn máy) là 5%), thì trong vòng 05 ngày làm việc Cục Thuế có trách nhiệm tổng hợp bằng văn bản gửi Sở Tài chính để bổ sung, điều chỉnh kịp thời. Sau khi nhận đầy đủ các hồ sơ thì trong vòng 05 ngày làm việc, Sở Tài chính phải ban hành Quyết định bổ sung, điều chỉnh bảng giá cho phù hợp.

3. Sở Tài chính chủ trì phối hợp cùng Cục Thuế thành phố hướng dẫn và kiểm tra các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc thực hiện Quyết định này.

4. Trường hợp có khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện, các đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Cục Thuế và Sở Tài chính để xử lý, hoặc tổng hợp báo cáo đề xuất UBND thành phố xem xét xử lý theo thẩm quyền.

Điều 4. Bãi bỏ Quyết định số 9268/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2013 của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành giá tính lệ phí trước bạ xe máy, xe ô tô, máy thủy, tàu thuyền trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và Quyết định số 650/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2014 của UBND thành phố Đà Nẵng bổ sung giá tính lệ phí trước bạ xe máy, xe ô tô, máy thủy, tàu thuyền trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 6. Chánh Văn phòng UBND thành phố, Giám đốc Sở Tài chính; Cục trưởng Cục Thuế; Giám đốc Kho bạc Nhà nước; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện; Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch các quận, huyện; Chi cục trưởng Chi cục Thuế các quận, huyện; các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Tuy*

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính (để b/c)
- TT HĐND thành phố (để b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- CT, các PCT UBND tp;
- Đoàn ĐBQH TP ĐN;
- UBMTTQVN TP ĐN;
- Sở Tư pháp tp;
- Cục Thuế; KBNN tp;
- Cục Hải quan TP ĐN;
- Các Sở, ban, ngành thuộc thành phố;
- Phòng CSGT CA TP ĐN;
- UBND các quận, huyện;
- Trung tâm THVN tại Đà Nẵng;
- Đài PTTH ĐN, Báo Đà Nẵng;
- Cổng TTĐT tp; /
- Chánh Văn phòng UBND tp;
- Các Phó Chánh Văn phòng UBND tp;
- Lưu: VT, NCPC, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Duy Khương